

Số:

Đắk Nông, ngày tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO

### Tình hình diễn biến giá các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Từ ngày 20/9/2024 đến ngày 27/9/2024)

**1. Mặt hàng lương thực, thực phẩm:** Tình hình cung, cầu và giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm trên địa bàn tỉnh trong tuần tương đối ổn định so với tuần trước, cụ thể như sau:

- **Lương thực:** Thóc tẻ: 13.800-14.200 đồng/kg; gạo tẻ: 18.000 đồng/kg; gạo dẻo thường: 18.500 đồng/kg; gạo dẻo thơm: 21.000 đồng/kg; gạo dẻo thơm Đài Loan: 24.000 đồng/kg; gạo nếp sếp: 19.000 đồng/kg; gạo nếp thơm (*nếp Thái*) ở mức: 23.000 đồng/kg; gạo ST25: 27.000 đồng/kg; gạo ST24: 28.000 đồng/kg.

- **Thực phẩm tươi sống:** Thịt heo ba rọi: 120.000 đồng/kg, thịt heo mông sấn: 110.000 đồng/kg, thịt heo hơi: 65.000 đồng/kg; thịt gà ta 120.000-130.000 đồng/kg; thịt bò loại 1 ở mức: 270.000-280.000 đồng/kg. Đối với thủy, hải sản: cá lóc đồng ở mức: 90.000-95.000 đồng/kg; cá lóc nuôi: 60.000-70.000 đồng/kg; cá rô đồng: 70.000-80.000 đồng/kg; tôm thẻ: 220.000 đồng/kg.

- **Thực phẩm đóng gói:** Dầu ăn Neptune: 52.000 đồng/lít; dầu ăn Simply: 53.000 đồng/lít; muối Iốt: 5.000 đồng/kg; đường trắng: 24.000 đồng/kg; mì ăn liền Omachi: 220.000 đồng/thùng; mì ăn liền Hào Hào: 118.000 đồng/thùng.

### 2. Mặt hàng xăng dầu, LPG:

- **Xăng dầu:** Trong tuần, giá xăng, dầu tăng so với tuần trước. Cụ thể giá xăng dầu ngày 27/9/2024 trên địa bàn tỉnh như sau: Xăng RON 95-III: 20.920 đồng/lít (*tăng 770 đồng/lít so với ngày 20/9/2024*); xăng sinh học E5 RON 92-II: 20.010 đồng/lít (*tăng 700 đồng/lít so với ngày 20/9/2024*); dầu DO 0,05%S-II: 17.850 đồng/lít (*tăng 470 đồng/lít so với ngày 20/9/2024*); dầu KO: 18.220 đồng/lít (*tăng 320 đồng/lít so với ngày 20/9/2024*).

- **Mặt hàng LPG:** Trong tuần, giá LPG trên địa bàn tỉnh ổn định so với tuần trước, cụ thể giá LPG ngày 27/9/2024 như sau: Gas Petrolimex bình 48 kg: 1.670.000 đồng/bình; Gas Petrolimex bình 12 kg: 435.000 đồng/bình.

**3. Mặt hàng vật liệu xây dựng:** Trong tuần, giá các mặt hàng vật liệu xây dựng dao động, nguồn cung đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu của người dân, cụ thể:

- **Mặt hàng sắt, thép:** Sắt Pomina loại cuộn  $\phi 6$ ,  $\phi 8$ : 15.450 đồng/kg; sắt vằn  $\phi 10$ : 111.755 đồng/cây; sắt vằn  $\phi 12$ : 161.045 đồng/cây.

- **Mặt hàng xi măng:** Xi măng Hà Tiên 1 (khu vực thành phố Gia Nghĩa) là: 2.091.000 đồng/tấn.

- **Mặt hàng cát, đá xây dựng:**

+ Giá cát xây tại huyện Cư Jút: 330.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 50.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Krông Nô: 270.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 10.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Đắk Song: 360.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 50.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Đắk Mil: 320.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 10.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Đắk R'lấp: 350.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 50.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Tuy Đức: 380.000 đồng/m<sup>3</sup> (tăng 10.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Đắk G'long: 370.000 đồng/m<sup>3</sup> (tăng 10.000 đồng/m<sup>3</sup>), thành phố Gia Nghĩa: 350.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 10.000 đồng/m<sup>3</sup>).

+ Giá cát tô tại huyện Cư Jút: 350.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 50.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Krông Nô: 320.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 10.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Đắk Song: 400.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 50.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Đắk Mil: 350.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 10.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Đắk R'lấp: 400.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 50.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Tuy Đức: 430.000 đồng/m<sup>3</sup> (tăng 10.000 đồng/m<sup>3</sup>), huyện Đắk G'long: 420.000 đồng/m<sup>3</sup> (tăng 10.000 đồng/m<sup>3</sup>), thành phố Gia Nghĩa: 400.000 đồng/m<sup>3</sup> (giảm 10.000 đồng/m<sup>3</sup>).

+ Đá xây dựng trên địa bàn tỉnh loại 1×2: 320.000 đồng/m<sup>3</sup>.

+ Gạch đất sét nung (Gạch ống 4 lỗ): Tại địa bàn huyện Cư Jút giá gạch ống 4 lỗ: 900 đồng/viên, huyện Krông Nô: 900 đồng/viên, huyện Đắk Mil: 1.100 đồng/viên, huyện Đắk Song: 1.100 đồng/viên, huyện Đắk G'long: 1.200 đồng/viên, huyện Tuy Đức: 1.120 đồng/viên, huyện Đắk R'lấp: 1.190 đồng/viên, thành phố Gia Nghĩa: 1.190 đồng/viên.

**4. Nhóm hàng vật tư nông nghiệp:** Giá một số mặt hàng phân bón trong tuần dao động, cụ thể như sau: Phân urê Phú Mỹ: 560.000 đồng/bao (tăng 10.000 đồng/bao); phân Kali Nga: 500.000 đồng/bao (tăng 10.000 đồng/bao); NPK đầu trâu vàng: 660.000 đồng/bao (tăng 10.000 đồng/bao); NPK đầu trâu xanh:

680.000 đồng/bao (*tăng 5.000 đồng/bao*); phân SA Nhật: 330.000 đồng/bao (*tăng 5.000 đồng/bao*).

### **5. Mặt hàng nông sản:**

- **Mặt hàng cà phê:** Trong tuần, giá cà phê trên địa bàn tỉnh giảm so với tuần trước. Tại các đại lý trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giá cà phê nhân xô 5% đen vỡ mua vào ngày 27/9/2024 ở mức: 121.800-122.000 (*giảm 1.600 đồng/kg so với ngày 20/9/2024*).

- **Mặt hàng tiêu đen:** Giá mặt hàng tiêu đen trên địa bàn tỉnh giảm so với tuần trước. Ngày 27/9/2024, giá tiêu đen trong tỉnh ở mức: 148.800-149.200 đồng/kg (*giảm 2.000 đồng/kg so với ngày 20/9/2024*).

**6. Mặt hàng vàng:** Trong tuần, giá vàng trên địa bàn tỉnh tăng so với tuần trước theo diễn biến của giá vàng trong nước và thế giới. Giá vàng tại các doanh nghiệp kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh ngày 27/9/2024, cụ thể như sau: Giá vàng 99,99% mua vào ở mức: 8.280.000 đồng/chỉ (*tăng 460.000 đồng/chỉ so với ngày 20/9/2024*); bán ra: 8.440.000 đồng/chỉ (*tăng 510.000 đồng/chỉ so với ngày 20/9/2024*).

Trên đây là tình hình diễn biến giá các loại hàng hóa thiết yếu trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trong tuần. Sở Công Thương tỉnh Đắk Nông báo cáo Bộ Công Thương và UBND tỉnh chỉ đạo./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Công Thương (b/c);
- Tỉnh ủy (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, TP. Gia Nghĩa;
- Sở Tài Chính (t/h);
- Hội nông dân tỉnh Đắk Nông;
- Sở NN&PTNT;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Võ Công Tuấn**